

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ “TÀI SẢN GỐC SINH KẾ” VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC SINH KẾ CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN VĂN GIANG*

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “tài sản gốc sinh kế” là phương tiện sinh tồn cơ bản, là tư liệu sản xuất thiết yếu, gắn liền với sự tồn tại, phát triển của mỗi cá nhân và cộng đồng dân tộc thiểu số, bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên và con người. Bài viết phân tích giá trị cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về “tài sản gốc sinh kế”, từ đó, làm rõ sự vận dụng sáng tạo của Đảng và Nhà nước trong suốt các giai đoạn lịch sử để hoạch định và thực thi chính sách nhằm bảo đảm nguồn lực sinh kế bền vững, phát huy nội lực và nâng cao toàn diện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh; “tài sản gốc sinh kế”; nguồn lực sinh kế; dân tộc thiểu số.

According to President Ho Chi Minh, “fundamental livelihood assets” refer to the essential means of subsistence and the basic instruments of production that are closely associated with the existence and development of each individual and ethnic minority community, encompassing both natural resources and human resources. This article analyzes the core values of Ho Chi Minh’s thought on “fundamental livelihood assets,” thereby clarifying the creative application of these principles by the Party and the State throughout different historical periods in formulating and implementing policies to ensure sustainable livelihood resources, promote internal strengths, and comprehensively improve the living conditions of ethnic minority populations in Vietnam.

Keywords: Ho Chi Minh’s thought; fundamental livelihood assets; livelihood resources; ethnic minorities.

NGÀY NHẬN: 22/9/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/11/2025

NGÀY DUYỆT: 16/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.359.2025.1369>

1. Đặt vấn đề

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không trực tiếp nhắc đến nguồn lực sinh kế, song tư tưởng của Người về “tài sản gốc sinh kế” đã được thể hiện từ rất sớm. Xuất phát từ tình yêu thương vô hạn đối với Nhân dân và sự gắn bó mật thiết với đồng bào dân tộc

thiểu số, Người rất coi trọng và thường xuyên nhắc nhở Đảng, Chính phủ cần quan tâm đến “tài sản gốc sinh kế” cho đồng bào dân tộc thiểu số. Người chỉ rõ: “Việc động viên vết đến tài sản gốc sinh kế của dân như

* ThS, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

ruộng đất, trâu bò, vốn liếng”¹... là sai lầm, phải kiên quyết tránh. Trong bối cảnh mới, việc Đảng và Nhà nước tiếp tục khẳng định và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về “tài sản gốc sinh kế” nhằm đề ra giải pháp bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về “tài sản gốc sinh kế” cho đồng bào dân tộc thiểu số

Thứ nhất, nâng cao dân trí, chăm lo sức khỏe và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, xóa nạn mù chữ và phát triển giáo dục miền núi là chìa khóa để đồng bào dân tộc thiểu số tiến bộ. Người đề nghị: “đồng bào phải cố gắng xóa nạn mù chữ. Phải biết đọc, biết viết thì làm ăn mới tiến bộ được”². Theo Người, mục đích học là để làm kinh tế, chính trị, văn hóa đều tiến bộ, các dân tộc đều đoàn kết với nhau”³. Ngoài ra, Người cũng nhắc nhở đồng bào phải chú ý vệ sinh: “Để giữ gìn sức khỏe thì phải ăn sạch, uống sạch, mặc sạch, ở sạch. Sức khỏe thì lao động sản xuất mới tốt”⁴.

Thứ hai, quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng để tạo sinh kế lâu dài cho đồng bào dân tộc thiểu số. Người nhấn mạnh: “... chúng ta không nên bỏ hoang một tấc đất nào hết. Chúng ta phải quý mỗi tấc đất như một tấc vàng”⁵. Người nhắc nhở: “... cần hết sức chú ý vấn đề bảo vệ rừng. Nếu cứ để tình trạng đồng bào phá một ít, nông trường phá một ít, công trường phá một ít, thậm chí đoàn thám dò địa chất phá một ít, thì rất tai hại. Phá rừng thì dễ, nhưng gây lại rừng thì phải mất hàng chục năm. Phá rừng nhiều như vậy sẽ ảnh hưởng đến khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống rất nhiều”⁶. Đây là tư tưởng rất tiến bộ của Người, sinh kế phải gắn với việc duy trì hệ sinh thái, bảo đảm sự cân bằng môi trường - điều kiện tiên quyết

để đồng bào dân tộc thiểu số có thể ổn định đời sống lâu dài.

Thứ ba, quan tâm, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và chú trọng bảo đảm điều kiện sống cơ bản cho đồng bào dân tộc thiểu số. Người cho rằng, giao thông là mạch máu kinh tế của đất nước, là điều kiện cơ bản để đồng bào dân tộc thiểu số có thể mở rộng cơ hội sản xuất, giao lưu và phát triển sinh kế. Người nhắc nhở phải: “...sửa sang và giữ gìn đường sá để đi lại dễ dàng”⁷. Người còn chỉ ra công tác phát triển giao thông miền núi cần thực hiện theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm: “về giao thông ở miền núi, đường sá còn rất kém. Cố nhiên đắp đường lớn là do Trung ương phụ trách, Bộ Giao thông chịu trách nhiệm. Nhưng địa phương có thể làm những đường nhỏ. Làng này qua làng khác, thì xã tự động làm. Nhiều xã đã làm tốt. Nên làm cho đồng bào thấy rõ lợi ích của việc làm thêm đường sá, tuyên truyền giải thích cho khéo, thì đồng bào tự làm và làm tốt”⁸. Bên cạnh đó, theo Người, muốn sản xuất tốt thì đồng bào: “phải cố gắng làm nhiều thủy lợi, để có đủ nước cho lúa và hoa màu”⁹, phải có nhiều phân bón và cải tiến nông cụ. Người cũng thường xuyên quan tâm đến các vấn đề ăn, mặc, ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ tư, đề cao tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau và phải kiên trì trong thay đổi tập quán sản xuất, hủ tục lạc hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Trước hết, tất cả các dân tộc, bất kỳ to hay là nhỏ, đều phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ nhau như anh em một nhà”¹⁰. Người nhấn mạnh vai trò của các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới trong tham gia giúp đỡ Nhân dân phát triển kinh tế, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu làm ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và đời sống. Người căn dặn: “công an biên phòng, ở những nơi đồng bào thiểu số,

phải chú ý đến phong tục tập quán của đồng bào, luôn giúp đỡ giáo dục đồng bào, làm cho đồng bào tin yêu, phục cán bộ thì đồng bào sẽ hết sức giúp đỡ, có khi hy sinh cả cho ta. Đối với những đơn vị biên thùy hay ở các đảo, việc ấy phải hết sức chú ý; phải giúp đỡ dân, ngày thường tìm mọi cách giáo dục họ, giúp đỡ, tổ chức họ”¹¹.

Thứ năm, phải thực hành tiết kiệm để tập trung vốn cho sản xuất, song Đảng, Nhà nước cũng cần có chính sách ưu tiên hỗ trợ vốn cho đồng bào dân tộc thiểu số. Người căn dặn: “đồng bào phải ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để làm cho mọi người áo ấm, cơm no”¹²; đồng thời, Người cũng phê bình: “Có người thực hành tiết kiệm, nhưng cũng có người không tiết kiệm mà còn lãng phí. Có nơi còn một số gia đình tổ chức đám ma, đám cưới, ăn uống xa xỉ rồi mang nợ cả đời, như thế là không tốt”¹³. Theo Người, tiết kiệm không chỉ dừng lại ở chi tiêu hợp lý, chống lãng phí mà còn gắn liền với việc huy động nguồn lực trong đồng bào, nhất là tiền nhân rồi để đưa vào sản xuất. Một đồng vốn bỏ ra phải bảo đảm tăng thêm của cải cho xã hội, phải được luân chuyển nhanh, không để tồn đọng. Người khuyến khích huy động sức dân thông qua các hình thức hợp tác, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống. Bên cạnh đó, Người cũng đặt ra yêu cầu việc phân phối, sử dụng nguồn lực tài chính cũng phải bảo đảm tính công bằng, hợp lý và cần có cơ chế, chính sách ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số để họ có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Như vậy, “tài sản gốc sinh kế” theo tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất chính là nguồn lực sinh kế mà các lý thuyết sinh kế bền vững hiện đại ngày nay đang đề cập đến, gồm các nguồn lực: con người, tự nhiên, vật chất, xã hội, tài chính. Những tư tưởng đó không chỉ phù hợp với điều kiện lịch sử Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX mà còn

có giá trị định hướng lâu dài, là kim chỉ nam để Đảng và Nhà nước vận dụng trong lãnh đạo bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số trong bối cảnh mới.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn hiện nay

Đảng và Nhà nước đã kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc bảo đảm “tài sản gốc sinh kế” cho đồng bào dân tộc thiểu số. Căn cứ vào từng giai đoạn lịch sử cụ thể, các nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác dân tộc và bảo đảm nguồn lực sinh kế đã được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và đòi hỏi phát triển của đất nước. Cụ thể:

(1) Nhiều nghị quyết quan trọng đã được ban hành: Trên cơ sở tổng kết kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 27/11/1989 về một số chủ trương chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) đã thảo luận và thông qua Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc. Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng đã nhấn mạnh: “Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù chăm lo giáo dục, đào tạo, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới”¹⁴.

(2) Hệ thống chính sách, pháp luật có liên quan đến bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ, bao phủ khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực và phù hợp hơn với thực tế. Hiện nay, có 136 chính sách đang được thực thi, trong đó đáng chú ý là bên

cạnh việc tiếp tục thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi lần đầu tiên ở nước ta có một chương trình mục tiêu quốc gia dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số. Theo đó, nguồn lực sinh kế được cải thiện ngày càng tốt hơn đã làm cho đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có bước phát triển rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khá cao, trong đó các tỉnh vùng Tây Bắc tăng bình quân 8,0%/năm, Tây Nguyên: 7,5%/năm, Tây Nam Bộ: 7,0%/năm. Sinh kế của người dân ngày càng đa dạng, thu nhập được nâng lên và đời sống không ngừng cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân gần 4%/năm¹⁵, cao hơn so với tỷ lệ giảm nghèo chung của cả nước, góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh, đối ngoại; xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua vẫn chưa bền vững: chất lượng nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; còn tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, khan hiếm nguồn nước, suy giảm diện tích rừng cũng gây khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số; các vấn đề mới nảy sinh, như: tranh chấp đất đai, nguồn nước khiến tình trạng khiếu kiện kéo dài, gây mất an ninh trật tự; vấn đề lao động, việc làm nông thôn, chuyển đổi nghề cho lao động các khu vực dự án thủy điện... còn

nhiều bất cập; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải yếu kém do địa hình bị chia cắt, hiểm trở, mùa mưa thường xảy ra lũ ống, lũ quét gây khó khăn cho sản xuất, buôn bán, sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số; vốn tài chính quy mô nhỏ, khó có khả năng để giúp đồng bào dân tộc thiểu số chuyển đổi cơ cấu nghề.

4. Một số giải pháp

Một là, cải thiện nguồn lực tự nhiên. Cần quan tâm giải quyết vấn đề thiếu đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên nước với giảm nghèo bền vững, chuyển đổi sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ở những nơi triển khai các dự án thủy điện. Bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường sinh thái thuận lợi cho sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển các loại rừng sản xuất, tạo sinh kế lâm nghiệp thông qua giao khoán các hoạt động trồng rừng, bảo vệ và chăm sóc rừng, khai thác rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân tộc thiểu số theo nguyên tắc cùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và cùng hưởng lợi.

Hai là, cải thiện nguồn lực xã hội. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong vận động cộng đồng dân tộc thiểu số đoàn kết, hỗ trợ nhau, duy trì các tập quán tốt đẹp, xóa bỏ những tập tục lạc hậu. Phát huy vai trò của các Đoàn kinh tế - quốc phòng, đồn Biên phòng đóng quân ở những vị trí trọng yếu trên các địa bàn chiến lược, khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa trong xóa đói, giảm nghèo, tổ chức lại dân cư, xây dựng nông thôn mới và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, từng bước thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”, biết áp dụng khoa học vào sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là, ưu tiên bố trí và hỗ trợ vốn để nâng cấp, xây dựng mới, bê tông hóa, nhựa hóa hệ thống đường liên xã, đường nội bộ xã, thôn

bản biên giới, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số lưu thông hàng hóa thuận lợi với chi phí thấp. Khuyến khích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa phục vụ sản xuất. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hóa - xã hội thiết yếu nhằm giúp đồng bào tiếp cận thông tin phục vụ sinh kế. Đồng thời, phát huy vai trò của cộng đồng trong quản lý, giám sát quá trình triển khai dự án, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Bốn là, cải thiện nguồn lực tài chính. Các cấp chính quyền cần khuyến khích đồng bào dân tộc thiểu số thực hành tiết kiệm, chăm lo phát triển sản xuất. Cần sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm khắc phục tình trạng thiếu vốn, thiếu việc làm và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác để giải ngân kịp thời nguồn vốn tín dụng, triển khai các chương trình cho vay hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở và hỗ trợ chuyển đổi nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Năm là, tập trung cải thiện nguồn lực - yếu tố cốt lõi và bền vững nhất cho sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nghề và chăm sóc sức khỏe để cải thiện năng suất lao động và khả năng tiếp cận việc làm có thu nhập ổn định; đồng thời, tiếp tục ưu tiên phát triển giáo dục phổ thông, xóa mù chữ và bổ túc văn hóa ở vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh việc đổi mới chương trình đào tạo nghề theo hướng linh hoạt, thực chất, gắn liền với nhu cầu thị trường và lợi thế địa phương, như: du lịch cộng đồng, nông nghiệp công nghệ cao.

5. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về “tài sản gốc sinh kế” cho đồng bào dân tộc thiểu số là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư

tưởng của Người, thể hiện tầm nhìn toàn diện, sâu sắc và giàu giá trị nhân văn. Thực tiễn thời gian qua, nhờ sự vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh về “tài sản gốc sinh kế”, Đảng và Nhà nước đã ban hành các chính sách, pháp luật để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, góp phần bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, do có những đặc thù nên đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, khoảng cách phát triển có xu hướng giãn rộng. Trong bối cảnh mới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm nguồn lực sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo nền tảng vững chắc để đồng bào dân tộc thiểu số tự lực, tự cường phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng linh hoạt với những biến động của bối cảnh trong nước và quốc tế, qua đó, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh quốc gia trên các địa bàn chiến lược □

Chú thích:

1. *Hồ Chí Minh toàn tập (2011). Tập 6.* H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 468.
- 2, 3, 4, 9, 10, 12. *Hồ Chí Minh toàn tập (2011). Tập 13.* H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 95, 269 - 270, 95, 94, 94, 94.
5. *Hồ Chí Minh toàn tập (2011). Tập 4.* H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 134.
- 6, 8. *Hồ Chí Minh toàn tập (2011). Tập 14.* H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 165, 165.
- 7, 11. *Hồ Chí Minh toàn tập (2011). Tập 12.* H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 204, 154 - 155.
13. *Hồ Chí Minh toàn tập (2011). Tập 11.* H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 234.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I.* H. NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 252.
15. Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2025). *Báo cáo số 169/BC-BDTTG ngày 30/3/2025 về tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và kiến nghị, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.*